TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BÌNH THẠNH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2555/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30/12/2022
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bính Thân

2. Ông Trần Văn Phủ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Hà là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1083/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 562/2022QĐXXST-HNGĐ ngày 07/11/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 386/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07/12/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đ; HKTT: Phường X, thành phố Huế.

Bị đơn: Ông N; HKTT: Đường C, Phường B, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh; cư trú tại: Đường P, Phường A, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản tại Tòa án, nguyên đơn là bà Đ trình bày: Sau thời gian tìm hiểu, bà và ông N có tự nguyện chung sống, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 36/2020 ngày 16/3/2020. Thời gian đầu chung sống, ông bà cũng có công việc, có thu nhập, không quá khó khăn. Tuy nhiên, qua thời gian, bà nhận ra giữa vợ chồng có nhiều bất đồng, không hòa hợp. Ông N thường có biểu hiện và hành vi thiếu tôn trọng vợ. Bà vừa đi làm, vừa chăm sóc con nhưng chỉ có một mình mà không nhận được sự quan tâm hay phụ giúp của ông N. Trong cuộc sống hôn nhân, ông N là người đàn ông gia trưởng, độc đoán và rất sĩ diện nên giữa vợ chồng có nhiều quan điểm trái chiều, không hợp nhau về lối sống. Những mâu thuẫn tưởng chừng như rất nhỏ nhưng bà đã phải chịu đựng từ khi sống chung. Biết ông N có tổn thương khi cha mẹ ly hôn, bà đã cố gắng để hiểu, chia sẻ, nhường nhịn để gia đình êm ấm nhưng ông N thì ngược lại, rất lạnh nhạt, ít tâm sự và sống tách biệt với vợ con. Mặc dù đã cố gắng

hàn gắn nhưng đời sống vợ chồng ngày càng đi xuống, niềm tin và hạnh phúc không còn. Vợ chồng không còn tin tưởng, không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà và ông N có 01 con chung tên T sinh ngày 29/6/2020, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án nhân dân quận Bình Thạnh đã triệu tập hợp lệ bị đơn là ông N đến Tòa án để giải quyết vụ kiện nhưng bị đơn vắng mặt không lý do, không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, ngoại trừ việc vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử thì Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng cụ thể xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định vụ kiện thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa. Việc cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thực hiện đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181, Điều 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến nay, nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đây là tranh chấp về việc "ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên toà. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, Hội đồng xét xử thấy, căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 36 ngày 16/3/2020 do Ủy ban nhân dân Phường B, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp.

Theo nguyên đơn, trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn do bị đơn không phụ giúp về mặt vật chất cũng như động viên về mặt tinh thần trong việc chăm sóc con. Mặc dù ở chung nhà, nhưng nguyên đơn không nhận được sự quan tâm, chia sẻ từ phía bị đơn, tự ai người nấy sinh hoạt. Bị đơn không tiếp xúc với vợ con, không chơi với con. Ngoài ra, do tác động bởi phía gia đình chồng nên khiến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, ngột ngạt, căng thẳng và ngày càng tồi tệ.

Đồng thời, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để tham gia hòa giải, qua đó cho thấy bị đơn không quan tâm đến quan hệ hôn nhân, không có hành động tích cực để hàn gắn gia đình. Xét, hôn nhân là sự tự nguyện từ hai phía, vợ chồng phải có sự thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình với mong muốn xây dựng hạnh phúc thì mục đích hôn nhân mới đạt được. Nay mâu thuẫn giữa các bên đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn tình cảm, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên T sinh ngày 29/6/2020. Xét yêu cầu của nguyên đơn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, Hội đồng xét xử thấy, căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình "con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi" và căn cứ tính chất công việc, khả năng tài chính của nguyên đơn là phù hợp với điều kiện sinh hoạt, chăm lo việc học tập, giáo dục trẻ để trẻ T triển lành mạnh về mọi mặt nên việc giao con chung cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng là có cơ sở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nguyên đơn khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Bà Đ được ly hôn với ông N.

2. Về con chung: Giao trẻ T sinh ngày 29/6/2020 cho bà Đ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đ không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi có căn cứ, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đ khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Đ chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2021/0000117 ngày 28/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

6. Về quyền kháng cáo: Bà Đ và ông N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Q.Bình Thạnh ;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- UBND Phường B, Q.Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vương Thị Lan Phương